

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HÀ ĐÔNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/KDTM-ST  
Ngày: 06-06-2022  
*V/v: Tranh chấp phát sinh từ hợp  
đồng kinh tế*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Diệp Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hạnh

Bà Lê Thị Huyền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thùy Ninh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 55/2021/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2021 về *Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng kinh tế*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Công ty cổ phần K. Địa chỉ: Số 02 tổ 49, Khu tập thể T, phường Y, quận C, Hà Nội. Người đại diện: Ông Lê Tuấn C - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H - Kế toán trưởng công ty. Ông C, bà H đều có mặt.

**\* Bị đơn:** Công ty cổ phần C. Địa chỉ: số 135, phường V, quận H, Hà Nội. Người đại diện: Ông Bùi Quang Đ - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thu H - sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1993. Văn bản ủy quyền số 193/2022/GUQ – CT ngày 26.05.2022. (Bà H vắng mặt, bà T có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn trình bày:***

Ngày 30.12.2010, Công ty cổ phần K (gọi tắt là Công ty K) và Công ty cổ phần C (gọi tắt là Công ty C) ký hợp đồng số 224/2010/HĐKT và phụ lục hợp đồng về việc *Thi công xây lắp phần cấp thoát nước, thiết bị vệ sinh và máy bơm nước*. Công trình: Tòa nhà Cao cấp W tại khu đô thị M, quận H, Hà Nội. Công ty K đã thi công và hoàn thành công trình trên. Hai bên đã kí biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng ngày 15.12.2015. Đến ngày 10 tháng 06 năm 2016, Công ty C và Công ty K đã kí xong hồ sơ quyết toán, Công ty C kí ngày 31.12.2016 tại Bảng tổng hợp giá trị quyết toán:

Giá trị hợp đồng thực tế quyết toán là: 13.087.990.598đ (mười ba tỉ, không trăm tám mươi bảy, triệu chín trăm chín mươi nghìn, năm trăm chín mươi tám đồng).

Giá trị Công ty C đã tạm ứng và thanh toán là: 10.960.820.242đ (mười tỉ, không trăm sáu mươi triệu, tám trăm hai mươi nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng).

Giá trị phải thanh toán còn lại là: 2.127.170.356đ (hai tỉ, một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

Công ty K đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty C.

Từ năm 2016 đến nay Công ty K đã nhiều lần làm công văn đề nghị Công ty C thanh toán nhưng Công ty C không hợp tác. Vì vậy, Công ty K khởi kiện đề nghị Công ty C phải thanh toán cho Công ty K khoản nợ như sau:

- Giá trị thanh toán còn lại: 2.127.170.356đ (hai tỉ, một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

- Giá trị lãi trả chậm từ ngày 01.01.2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 1.110.787.088đ (một tỉ, một trăm mười triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi tám đồng).

- Tổng số tiền Công ty C phải trả cho Công ty K là: 3.237.957.444đ (ba tỉ, hai trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

**\* Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần C trình bày:** Công ty xác nhận Công ty cổ phần K và Công ty cổ phần C có ký hợp đồng số 224/2010/HĐKT về việc *Thi công xây lắp phần cấp thoát nước, thiết bị vệ sinh và máy bơm nước*. Công trình: Tòa nhà Cao cấp W tại khu đô thị M, quận H, Hà

Nội. Công ty K đã thi công và hoàn thành công trình trên. Hai bên đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng ngày 15.12.2015. Đến năm 2016, Công ty C và Công ty K đã ký xong hồ sơ quyết toán. Công ty xác nhận còn nợ Công ty cổ phần K số tiền như sau: Giá trị thanh toán còn lại: 2.127.170.356đ.

Do đầu năm 2016 Công ty thoái toàn bộ vốn nhà nước, trở thành đơn vị cổ phần hóa tư nhân và thực hiện quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp về tất cả các mặt từ tài chính, lao động, bộ máy tổ chức..., trong quá trình đó các nguồn lực hạn chế nên công ty chưa có điều kiện thanh toán các khoản nợ như nợ thuế, nợ BHXH, nợ ngân hàng... Đến năm 2021, công ty được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư khu công nghiệp Kim Thành - Hải Dương. Đây là dự án trọng điểm hứa hẹn khi triển khai sẽ đem lại doanh thu lợi nhuận để công ty có nguồn lực giải quyết dứt điểm những tồn tại về tài chính đã kéo dài trong nhiều năm. Năm 2022, công ty đang ráo riết triển khai các thủ tục để tiến hành giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút các nhà đầu tư. Tất cả các kế hoạch tiến độ của dự án sẽ được phê duyệt tại phiên họp đại hội cổ đông của Công ty. Dự kiến phiên họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức trong tháng 4.2022 và ngay sau đó sẽ tiến hành các chương trình kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như triển khai dự án.

Công ty xin đưa ra phương án đề xuất trả nợ như sau:

- Về số liệu thanh toán: Hai bên cùng nhau xem xét, tính toán và thống nhất lại số liệu tại thời điểm trả nợ.
- Về thời gian: Dự kiến thời gian trả nợ khoảng từ tháng 08 đến tháng 10 năm 2022 khi có nguồn thu từ dự án Kim Thành.
- Về hình thức trả nợ:
  - + Một là trả bằng tiền mặt: khi có nguồn thu từ dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Kim Thành Hải Dương.
  - + Hai là: đối trừ công nợ của Công ty C bằng cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần K. Giá cổ phiếu được tính bằng trung bình của 10 phiên giao dịch liên tiếp (5 ngày trước và 5 ngày sau) để đảm bảo tính khách quan, giá trị theo thị giá.

Khi Công ty C thanh toán khoản nợ cho bên nguyên đơn, phía C đề nghị Công ty K miễn giảm toàn bộ số tiền lãi phát sinh hoặc xin giảm 50% tiền lãi phát sinh từ việc chậm thanh toán từ trước cho đến thời điểm thanh toán.

***Tại phiên toà hôm nay:*** Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: bên phía Công ty C có mời Công ty K sang làm việc ngày 02.06.2022, tại buổi làm việc đó Công ty C cũng đưa ra phương án hòa giải nhưng Công ty K không đồng ý.

Công ty C đồng ý với toàn bộ trình bày khởi kiện của nguyên đơn về việc kí kết hợp đồng, thanh toán và số liệu công nợ và lãi suất còn lại tính đến ngày 06.6.2022 là:

Giá trị thanh toán còn lại: 2.127.170.356đ (hai tỉ, một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

Giá trị lãi trả chậm từ ngày 01.01.2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 1.110.787.088đ (một tỉ một trăm mười triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn không trăm tám mươi tám đồng).

Tuy nhiên, trong hợp đồng 02 bên kí kết có phần bảo lãnh nên công ty C đề nghị Công ty K không tính lãi 1 năm đối với số tiền 392.639.718đ (ba trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm mười tám đồng) (là tiền bảo lãnh 3% giá trị hợp đồng). Công ty C xin rút lại phương án trả nợ cũ vì công ty không có nguồn tiền và xin đưa ra phương án trả nợ mới là: Trong quý 1 năm 2023, Công ty C xin tắt toán toàn bộ khoản vay và xin Công ty K giảm một phần tiền lãi.

Công ty cổ phần K không đồng ý phương án trả nợ như Công ty C đưa ra vì hiện giờ tình hình tài chính của Công ty K cũng đang gặp rất nhiều khó khăn, Công ty Kỹ thuật đồng ý không tính lãi 1 năm đối với số tiền 392.639.718đ (ba trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm mười tám đồng). Cụ thể, công ty K đồng ý không tính lãi 1 năm đối với số tiền 392.639.718đ (ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm mười tám đồng) (là tiền bảo lãnh 3% giá trị hợp đồng), làm tròn là 37.300.000đ tiền lãi cho công ty C, số tiền lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 1.110.787.088đ - 37.300.000đ = 1.073.487.088đ.

Công ty cổ phần C thống nhất với số tiền gốc chưa thanh toán và số nợ lãi trên. Ngoài ra, Công ty C không có ý kiến nào khác.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên toà: Thẩm phán, Thư ký Toà án thực hiện

đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên toà. Tại phiên toà: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Đề nghị:** Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận sự thống nhất của các bên về số tiền gốc chưa thanh toán và số nợ lãi còn lại là:

Giá trị thanh toán còn lại: 2.127.170.356đ (hai tỉ, một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

Giá trị lãi trả chậm từ ngày 01.01.2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 1.110.787.088đ (một tỉ, một trăm mười triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi tám đồng) - 37.300.000đ (số tiền lãi 01 năm đối với khoản tiền 3% bảo hành) = 1.073.487.088đ (một tỉ, không trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi tám đồng).

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.200.657.444đ (ba tỉ, hai trăm triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

\* *Về quan hệ pháp luật:* Công ty cổ phần C và Công ty cổ phần K đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc kí kết Hợp đồng kinh tế số 224/2010/HĐKT ngày 30.12.2010 nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

\* *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện:*

Tranh chấp trong vụ án phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 224/2010/HĐKT ngày 30.12.2010. Bị đơn là Công ty cổ phần C có địa chỉ tại số 135, phường V,

quận H, Hà Nội. Vì vậy, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp toà án và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần C vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng hai bên kí kết, đã thực hiện xong. Vì vậy, xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

\* *Về thủ tục tố tụng khác:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng khi Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không xét.

**[2] Về nội dung vụ án:**

\* *Về hiệu lực của hợp đồng:* Công ty cổ phần C và Công ty cổ phần K đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc kí kết Hợp đồng kinh tế số 224/2010/HĐKT ngày 30.12.2010. Việc kí kết hợp đồng kinh tế, thực hiện và hoàn tất hồ sơ quyết toán giữa hai bên phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

\* *Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:*

Sau khi kí kết Hợp đồng kinh tế số 224/2010/HĐKT ngày 30.12.2010, giá trị hợp đồng đồng là 22.767.868.005 đồng, Công ty cổ phần K đã thực hiện và hoàn thành các hạng mục trong nội dung hợp đồng. Công ty cổ phần dịch vụ K và Công ty cổ phần C đều thống nhất xác nhận: Công ty cổ phần C còn nợ Công ty cổ phần K số tiền là 2.127.170.256đ theo Bảng tổng hợp giá trị quyết toán Công ty K kí ngày 10.06.2016, Công ty C kí ngày 31.12.2015. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 2.127.170.356đ (hai tỉ, một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng) theo Hợp đồng kinh tế số 224/2010/HĐKT ngày 30.12.2010 là có căn cứ nên được chấp nhận.

\* *Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn:* Nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần C phải trả số tiền nợ lãi từ ngày 01.01.2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06.06.2022 là: 1.110.787.088đ (một tỉ, một trăm mười triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi tám đồng), lãi suất 9,5%/năm căn cứ theo Điều 15.1 Hợp đồng kinh tế số 224/2010/HĐKT ngày 30.12.2010 có nêu: *Nếu bên A (Công ty C) chậm thanh toán thì phải thanh toán đền bù cho bên B khoản tiền lãi được tính theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm đó trên số tiền chậm trả.*

Theo cung cấp mức lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm giải quyết vụ án của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và đối chiếu mức lãi suất do nguyên đơn áp dụng 9,5%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng và có lợi cho bị đơn, bị đơn cũng đồng ý nên được chấp nhận.

Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của Công ty K và Công ty C: Công ty K không tính tiền lãi 1 năm đối với số tiền 392.639.718đ (ba trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm mười tám đồng) (là tiền bảo lãnh 3% giá trị hợp đồng), số tiền lãi là: 37.300.000đ. Tổng số tiền lãi còn lại là:  $1.110.787.088đ - 37.300.000đ = 1.073.487.088đ$  (một tỉ, không trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi tám đồng).

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.127.170.356đ (hai tỉ, một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng) + 1.073.487.088đ (một tỉ không trăm bảy mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn không trăm tám mươi tám đồng) = 3.200.657.444đ (ba tỉ, hai trăm triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

*\* Về án phí và quyền kháng cáo:* Công ty cổ phần C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 35, Điều 39, 147, 177, 220, khoản 2 các điều 227, 235, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K đối với Công ty cổ phần C.

2. Buộc Công ty cổ phần C có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần K số tiền còn nợ tính đến ngày 06.06.2022 phát sinh từ hợp đồng số 224/2010/HĐKT ngày 30.12.2020 và phụ lục hợp đồng số tiền là 3.200.657.444đ (ba tỉ, hai trăm triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) trong đó tiền gốc là 2.127.170.356đ (hai tỉ một trăm hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng), tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.073.487.088đ (một tỉ không trăm bảy mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn không trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày 07.06.2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

Công ty cổ phần C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **96.013.147đ (chín mươi sáu triệu, không trăm mười ba nghìn, một trăm bốn mươi bảy đồng).**

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần K số tiền tạm ứng án phí **36.600.000 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)** đã nộp tại biên lai số 0009385 ngày 27.10.2021 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- *Đương sự*
- *Lưu HS, VT.*

**Trần Thị Diệp Linh**